DANH MỤC THẨM ĐỊNH

(Kèm theo Công văn số 447/HSB ngày 26 tháng 12 năm 2023)

TT	Tên vật tư, hóa chất	Tiêu chí kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính (quy cách đóng gói)	Số lượng
1	Acetone kỹ thuật	Độ tinh khiết ≥97%	Đài Loan	Phi (200 lít)	3
2	Acetonitrile HPLC	Độ tinh khiết ≥99.8%	Scharlau	Chai (4 lít)	19
3	Bản mỏng silica gel pha đảo C18	20×20 cm, silica gel 60 RP-18 F254S, độ dày 0,25 mm	Merck	Hộp (25 bản kính)	6
4	Bản mỏng silica gel pha thường	20×20 cm, silica gel 60 F254, độ dày 0,25 mm	Merck	Hộp (25 bản nhôm)	10
5	Bột sắc ký pha đảo C18	ODS-A,12nm, S-150µm	YMC	Hộp (1 kg)	5
6	Bột sắc ký silica gel pha thường	Cỡ hạt 0,040-0,063 mm	Merck	Thùng (25 kg)	2
7	Chloroform-d	Độ tinh khiết ≥99,8 %	Merck	Lọ (100 g)	5
8	Cột sắc ký thủy tinh (đường kính 2 cm, dài 40-80 cm)	Thủy tinh trung tính, nhám 29, khóa lõi teflon	Duran	Cái	5
9	Cột sắc ký thủy tinh (đường kính 3 cm, dài 40-80 cm)	Thủy tinh trung tính, nhám 29, khóa lõi teflon	Duran	Cái	5
10	Cột sắc ký thủy tinh (đường kính trong 4 cm, dài 40-80 cm)	Thủy tinh trung tính, nhám 29, khóa lõi teflon	Duran	Cái	5
11	Đầu côn trắng 500-5000 µl	Nhựa	Thermo	Túi (1000 cái)	2
12	Đầu côn vàng 0-200 µl	Nhựa	Thermo	Túi (1000 cái)	2
13	Đầu côn xanh 100-1000 µl	Nhựa	Thermo	Túi (1000 cái)	2
14	Diaion HP-20	Cỡ hạt 250-850µm, cỡ lỗ 1,3 ml/g	Supelco	Hộp (1 kg)	3
15	Dichloromethane kỹ thuật	Độ tinh khiết ≥95%	Trung Quốc	Phi (200 lít)	3
16	DMSO	Độ tinh khiết ≥99,9%	Merck	chai (2 lít)	3
17	Ethyl acetate kỹ thuật	Độ tinh khiết ≥95%	Trung Quốc	Phi (200 lít)	3
18	Methanol HPLC	Độ tinh khiết ≥99.8%	Scharlau	Chai (4 lít)	17
19	Methanol kỹ thuật	Độ tinh khiết ≥95%	Malaysia	Phi (200 lít)	3
20	Methanol-d4	Độ tinh khiết ≥99,8 %	Merck	Lọ (100 ml)	1
21	n-Hexane kỹ thuật	Độ tinh khiết ≥95%	Hàn Quốc	Phi (200 lít)	3
22	Ống Eppendof 1,5ml	Nhựa	CAPP	Túi (500 cái)	1
23	Ống Eppendof 2ml	Nhựa	CAPP	Túi (500 cái)	1